

**Biểu 4: BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 10/2023**

Chỉ tiêu	ĐVT	KH2023	TH 9T	Ước T10	ước 10T	10t /cùng kỳ	10t/KH
1. KN Xuất khẩu	1000 USD	680,000.00	555,000.00	45000	600,000.00	108.30	88.24
Mặt hàng xuất khẩu			-				
1. Cà phê	Tấn		203,000.00	8,000.00	211,000.00	105.50	
Giá trị	1000 USD		430,000.00	17,600.00	447,600.00	111.90	
2. Mủ cao su	Tấn		740.00	50.00	790.00	47.88	
Giá trị	1000 USD		850.00	75.00	925.00	40.22	
3. Gỗ tinh chế	1000 USD		700.00	50.00	750.00	25.00	
5 Hàng khác	1000 USD		123,450.00	27,275.00	150,725.00	101.36	
2. KN Nhập khẩu	1000 USD	110,000.00	100,000.00	3,000.00	103,000.00	76.30	93.64
Mặt hàng nhập khẩu			-		0.00		
1.Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD		358.00		358.00		
2. Máy móc thiết bị	1000 USD		-		0.00		
3. Sản lát	Tấn		1,500.00		1,500.00	42.86	
Giá trị	1000 USD		360.00		360.00	46.75	
4.Hạt điều	Tấn		20,150.00		20,150.00	70.01	
Giá trị	1000 USD		23,282.00		23,282.00	65.13	
5. cao su tự nhiên	Tấn		6,560.00	1000	7,560.00	79.58	
giá trị	1000 USD		6,850.00	1200	8,050.00	70.00	
6. Hàng khác	1000 USD		69,150.00	1,800.00	70,950.00	81.57	